

Số: 65/TB-TCKH

A Lưới, ngày 31 tháng 01 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản**

*Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 09/10/2021 của UBND huyện A Lưới về việc phê duyệt Phương án bố trí, sắp xếp lại ngành nghề kinh doanh sử dụng điểm kinh doanh tại chợ A Lưới;*

*Căn cứ Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới về việc phê duyệt phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh, sử dụng điểm kinh doanh tại chợ Bớt Đỏ (có sơ đồ, vị trí kèm theo);*

*Căn cứ Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới về việc phê duyệt mức giá khởi điểm cho thuê quyền sử dụng điểm kinh doanh tại chợ Bớt Đỏ;*

*Căn cứ Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới về việc phê duyệt Phương án cho thuê quyền sử dụng điểm kinh doanh tại chợ Bớt Đỏ;*

*Căn cứ Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND huyện A Lưới về việc phê duyệt mức giá khởi điểm cho thuê quyền sử dụng điểm kinh doanh tại Chợ A Lưới;*

*Căn cứ Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND huyện A Lưới về việc phê duyệt Phương án cho thuê quyền sử dụng điểm kinh doanh tại Chợ A Lưới;*

*Căn cứ Quyết định số 3149/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND huyện A Lưới về việc hủy kết quả trúng đấu giá cho thuê có thời hạn quyền sử dụng điểm kinh doanh tại Chợ A Lưới, thị trấn A Lưới ngày 14/7/2022;*

*Căn cứ Quyết định số 3235/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện A Lưới về việc hủy kết quả trúng đấu giá cho thuê có thời hạn quyền sử dụng điểm kinh doanh tại Chợ A Lưới, thị trấn A Lưới ngày 14/9/2023;*

Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện A Lưới thông báo về việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện đấu giá cho thuê có thời hạn các điểm kinh doanh tại chợ A Lưới và Chợ Bớt Đỏ thuộc huyện A Lưới, như sau:

**1. Tên, địa chỉ đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá cho thuê tài sản:**

- Tên đơn vị: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện A Lưới
- Địa chỉ: Số 09, đường Quỳnh Trên, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**2. Thông tin về tài sản đấu giá cho thuê:**

**2.1. Chợ A Lưới:**

a) Danh mục tài sản đấu giá: Tổng số 01 Ki ốt và 37 Lô, cụ thể như sau:

- Dãy khối Ki ốt đường Hồ Chí Minh (kí hiệu là A): A3.

- Dãy Ki ốt thuộc tầng 2 đình chợ (kí hiệu là T): T55, T56, T57, T58, T61, T62, T63, T64, T65, T66, T71, T72, T73, T74, T75, T76, T77, T81, T82, T86, T87, T88, T89, T90, T91, T92, T96, T97, T98, T99, T100, T101, T102, T105, T106, T107, T108

b) Mục đích, chức năng, thời hạn cho thuê: Theo Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND huyện A Lưới; Thời hạn cho thuê: 15 năm, trả tiền một lần.

c) Mức giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

<b>T T</b>	<b>Kí hiệu Kiốt</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ngành nghề KD</b>	<b>Giá khởi điểm (đồng/năm)</b>	<b>Giá khởi điểm tổ chức đấu giá (đồng/15năm)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>Khối A: Dãy khối Kiốt đường Hồ Chí Minh</b>					
1	A3	15,6	Điện tử, đồng hồ, vàng bạc, mắt kính, thuốc tây,	13.104.000	196.560.000	2 mặt tiền
<b>B</b>	<b>Dãy Ki ốt thuộc tầng 2 đình chợ</b>					
1	T55	7,84	Áo quần, hàng vải, chăn, drag, gối, nệm, mùng, mền, lưu niệm, phụ kiện may mặc, mũ nón, túi xách	4.704.000	70.560.000	02 mặt tiền
2	T56	7,84		4.233.600	63.504.000	
3	T57	7,84		4.233.600	63.504.000	
4	T58	7,84		4.233.600	63.504.000	
5	T61	7,84		4.233.600	63.504.000	
6	T62	7,84		4.233.600	63.504.000	
7	T63	7,84		4.233.600	63.504.000	
8	T64	7,84		4.704.000	70.560.000	02 mặt tiền
9	T65	7,84		4.704.000	70.560.000	02 mặt tiền
10	T66	7,84		4.233.600	63.504.000	
11	T71	7,84		4.233.600	63.504.000	
12	T72	7,84		4.233.600	63.504.000	
13	T73	7,84		4.233.600	63.504.000	
14	T74	7,84		4.704.000	70.560.000	02 mặt

						tiền
15	T75	7,84		4.704.000	70.560.000	02 mặt tiền
16	T76	7,84		4.233.600	63.504.000	
17	T77	7,84		4.233.600	63.504.000	
18	T81	7,84		4.704.000	70.560.000	02 mặt tiền
19	T82	7,84		4.704.000	70.560.000	02 mặt tiền
20	T86	7,84		4.233.600	63.504.000	
21	T87	7,84		4.233.600	63.504.000	
22	T88	7,84		4.704.000	70.560.000	02 mặt tiền
23	T89	7,84		4.704.000	70.560.000	02 mặt tiền
24	T90	7,84		4.233.600	63.504.000	
25	T91	7,84		4.233.600	63.504.000	
26	T92	7,84		4.233.600	63.504.000	
27	T96	7,84		4.233.600	63.504.000	
28	T97	7,84		4.233.600	63.504.000	
29	T98	7,84		4.704.000	70.560.000	02 mặt tiền
30	T99	7,84		4.704.000	70.560.000	02 mặt tiền
31	T100	7,84	Áo quần, hàng vải, chăn, drag, gối, nệm, mùng, mền, lưu niệm, phụ kiện may mặc, mũ nón, túi xách	4.233.600	63.504.000	
32	T101	7,84		4.233.600	63.504.000	
33	T102	7,84		4.233.600	63.504.000	
34	T105	7,84		4.233.600	63.504.000	
35	T106	7,84		4.233.600	63.504.000	
36	T107	7,84		4.233.600	63.504.000	
37	T108	7,84		4.704.000	70.560.000	02 mặt tiền
<b>Tổng cộng A+B: 38 kiốt, lô</b>					<b>2.630.880.000</b>	

## 2.2. Chợ Bốt Đỏ

a) Danh mục tài sản đấu giá: Tổng số ki ốt: 44 ki ốt (viết tắt là K) và 32 lô (viết tắt là Đ), cụ thể như sau:

+ Khối số 1 gồm 06 ki ốt (K1, K2, K3, K4, K5, K6).

+ Khối số 2 gồm 09 ki ốt (K7, K8, K9, K10, K11, K14, K15, K16, K17).

+ Khối số 3 gồm 03 ki ốt (K19, K23, K24).

+ Khối số 4 gồm 26 ki ốt (K25, K26, K29, K30, K31, K32, K33, K34, K35, K36, K37, K38, K39, K40, K42, K45, K46, K47, K49, K50, K51, K52, K53, K54, K55, K56).

+ Khối số 5 gồm 32 lô (Từ Đ1 đến Đ32).

b) Mục đích, chức năng, thời hạn cho thuê: Theo Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới về việc phê duyệt Phương án cho thuê quyền sử dụng điểm kinh doanh tại chợ Bớt Đỏ.

c) Mức giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

<b>T T</b>	<b>Kí hiệ u Kí ốt (K)</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh</b>	<b>Giá khởi điểm/năm (đồng)</b>	<b>Giá khởi điểm để đấu giá (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>Dãy khối Kí ốt mặt tiền Quốc lộ 49 và đường Hồ Chí Minh</b>					
<b>I</b>	<b>Khối số 1</b>				<b>948.708.000</b>	
1	K1	18,05	Áo quần, vật tư nông nghiệp, đồ chơi trẻ em, giày dép, văn phòng phẩm, thuốc tây	10.830.000	162.450.000	02 mặt tiền
2	K2	18,05		9.963.600	149.454.000	
3	K3	18,05		10.830.000	162.450.000	02 mặt tiền
4	K4	18,05		10.830.000	162.450.000	02 mặt tiền
5	K5	18,05		9.963.600	149.454.000	
6	K6	18,05		10.830.000	162.450.000	02 mặt tiền
<b>II</b>	<b>Khối số 2</b>				<b>1.358.106.000</b>	
1	K7	18,05	Mắt kính, đồng hồ, thuốc tây, điện tử, hàng lưu niệm, vàng bạc, tạp hóa	10.830.000	162.450.000	02 mặt tiền
2	K8	18,05		9.963.600	149.454.000	
3	K9	18,05		9.963.600	149.454.000	
4	K10	18,05		9.963.600	149.454.000	
5	K11	18,05		9.963.600	149.454.000	
6	K14	18,05		9.964.000	149.460.000	
7	K15	18,05		9.964.000	149.460.000	
8	K16	18,05		9.964.000	149.460.000	
9	K17	18,05		9.964.000	149.460.000	
<b>III</b>	<b>Khối số 3</b>				<b>474.360.000</b>	
1	K19	18,05	Áo quần, vật tư nông nghiệp, đồ chơi trẻ em, giày dép, Vp	10.830.000	162.450.000	02 mặt tiền

2	K23	18,05	phẩm, thuốc tây	9.964.000	149.460.000	
3	K24	18,05		10.830.000	162.450.000	02 mặt tiền
<b>B</b>	<b>Dãy sau mặt tiền Quốc lộ 49 và đường Hồ Chí Minh</b>					
<b>I</b>	<b>Khối số 4</b>				<b>1.403.568.000</b>	
1	K25	6,84	Áo quần vải, phụ kiện may vá, chần, drag, gổ, nệm, mùng, mền, vải sợi, nón, túi xách, ăn uống, giải khát, gia vị	3.775.680	56.635.200	02 mặt tiền
2	K26	6,84		3.447.360	51.710.400	
3	K29	6,84		3.775.680	56.635.200	02 mặt tiền
4	K30	6,84		3.447.360	51.710.400	
5	K31	6,84		3.447.360	51.710.400	
6	K32	6,84		3.775.680	56.635.200	02 mặt tiền
7	K33	6,84	Áo quần vải, phụ kiện may vá, chần, drag, gổ, nệm, mùng, mền, vải sợi, nón, túi xách, ăn uống, giải khát, gia vị	3.775.680	56.635.200	02 mặt tiền
8	K34	6,84		3.447.360	51.710.400	
9	K35	6,84		3.447.360	51.710.400	
10	K36	6,84		3.775.680	56.635.200	02 mặt tiền
11	K37	6,84		3.775.680	56.635.200	02 mặt tiền
12	K38	6,84		3.447.360	51.710.400	
13	K39	6,84		3.447.360	51.710.400	
14	K40	6,84		3.775.680	56.635.200	02 mặt tiền
15	K42	6,84		3.447.360	51.710.400	
16	K45	6,84		3.775.680	56.635.200	02 mặt tiền
17	K46	6,84		3.447.360	51.710.400	
18	K47	6,84		3.447.360	51.710.400	
19	K49	6,84		3.775.680	56.635.200	02 mặt tiền
20	K50	6,84		3.447.360	51.710.400	
21	K51	6,84	3.447.360	51.710.400		
22	K52	6,84	3.775.680	56.635.200	02 mặt tiền	
23	K53	6,84	3.775.680	56.635.200	02 mặt tiền	
24	K54	6,84	3.447.360	51.710.400		
25	K55	6,84	3.447.360	51.710.400		

26	K56	6,84		3.775.680	56.635.200	02 mặt tiền
<b>C</b>	<b>Dãy Lô trong đình Chợ (Khối số 5)</b>			<b>967.680.000</b>		
1	Đ1	4,0	Hàng cá, hàng rau, củ quả, khô mắm, gà, vịt, lợn, thịt heo, thịt bò	1.536.000	23.040.000	
2	Đ2	4,0		1.536.000	23.040.000	
3	Đ3	4,0		1.536.000	23.040.000	
4	Đ4	4,0		1.536.000	23.040.000	
5	Đ5	4,0		1.536.000	23.040.000	
6	Đ6	4,0		1.536.000	23.040.000	
7	Đ7	4,0		1.536.000	23.040.000	
8	Đ8	4,0		1.536.000	23.040.000	
9	Đ9	4,0		1.536.000	23.040.000	
10	Đ10	4,0		1.536.000	23.040.000	
11	Đ11	4,0		1.536.000	23.040.000	
12	Đ12	4,0		1.536.000	23.040.000	
13	Đ13	6,0		2.304.000	34.560.000	
14	Đ14	6,0		2.304.000	34.560.000	
15	Đ15	6,0		2.304.000	34.560.000	
16	Đ16	6,0	Hàng cá, hàng rau, củ quả, khô mắm, gà, vịt, lợn, thịt heo, thịt bò	2.304.000	34.560.000	
17	Đ17	6,0		2.304.000	34.560.000	
18	Đ18	6,0		2.304.000	34.560.000	
19	Đ19	6,0		2.304.000	34.560.000	
20	Đ20	6,0		2.304.000	34.560.000	
21	Đ21	6,0		2.304.000	34.560.000	
22	Đ22	6,0		2.304.000	34.560.000	
23	Đ23	6,0		2.304.000	34.560.000	
24	Đ24	6,0		2.304.000	34.560.000	
25	Đ25	6,0		2.304.000	34.560.000	
26	Đ26	6,0		2.304.000	34.560.000	
27	Đ27	6,0		2.304.000	34.560.000	
28	Đ28	6,0		2.304.000	34.560.000	
29	Đ29	6,0		2.304.000	34.560.000	
30	Đ30	6,0		2.304.000	34.560.000	
31	Đ31	6,0		2.304.000	34.560.000	
32	Đ32	6,0		2.304.000	34.560.000	
<b>Tổng cộng: 44 ki ô và 32 lô</b>				<b>5.152.422.000</b>		

**4. Thời gian tổ chức đấu giá:** Năm 2024, Bắt đầu thông báo công khai tháng 02/2024.

**5. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản:** Thực hiện quy định tại Điều 56 Luật đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp, cụ thể theo bảng tiêu chí, lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp.

**6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia thực hiện đấu giá:**

- Thời gian nộp đơn hồ sơ: Từ ngày **01/02/2024 đến hết 17 giờ 00 phút ngày 05/02/2024, trong giờ hành chính.**

- Địa điểm nhận hồ sơ: Hồ sơ nộp trực tiếp tại Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện A Lưới; Địa chỉ: Số 09, đường Quỳnh Trên, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**7. Thành phần hồ sơ đăng ký lựa chọn:**

- Bản sao hồ sơ tổ chức đấu giá (có chứng thực hoặc Công chứng theo quy định).

- Năng lực hoạt động của tổ chức đấu giá.

- Số lượng hồ sơ đăng ký tham gia: 01 bộ hồ sơ phải còn nguyên niêm phong.

**Lưu ý:** Hồ sơ đăng ký được gửi trực tiếp, không qua đường bưu điện hoặc trung gian. Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu và giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân). Không hoàn trả hồ sơ đối với các tổ chức không được lựa chọn.

Mọi thông tin liên hệ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện A Lưới; Địa chỉ: Số 09, đường Quỳnh Trên, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; **điện thoại: 0234.3.878.469.**

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện A Lưới trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện (để báo cáo);
- Công TTĐT Quốc gia về đấu giá tại sản địa chỉ: <https://dgts.moj.gov.vn> (để đăng tin);
- Công TTĐT huyện A Lưới đại chỉ: <https://aluoi.thuathienhue.gov.vn> (để đăng tin);
- Lưu: VT, chuyên môn: 01 bản.

**TRƯỞNG PHÒNG**